

Bản án số: 19/2021/HS-ST

Ngày: 28/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

2. Bà Lê Thị Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 240/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thanh T, sinh năm 1982, tại: Vĩnh Long; Hộ khẩu thường trú: ấp H, xã L, huyện H, tỉnh V; tạm trú: 558/15/10 đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị M; có vợ tên Huỳnh Thị Ngọc B sinh năm 1985 và 01 con sinh năm 2021; tiền sự: không; tiền án: không; Tạm giam : 16/8/2020 (Có mặt).

Bị hại:

1. Anh Ngô Phúc T, sinh năm 1992; trú tại: 1/10 TTN 22, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1984; thường trú Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B, tạm trú : đường T, tổ 18 khu phố 3A, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Chị Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1985, trú tại 558/15/10 đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1977, ấp B, xã H, huyện M, tỉnh V (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 06 giờ ngày 05/08/2020, Công an Quận Gò Vấp có tiếp nhận tin báo của anh Ngô Phúc T, sinh năm 1992, HKTT: 1/10 đường T, phường T, quận M, TP.HCM (quản lý cơ sở M) về việc Công ty TNHH M, địa chỉ: 592 đường P, Phường B, quận G bị trộm cắp tài sản tại phòng làm việc của mình ở tầng 2 của công ty, tài sản để trong két sắt bị mất trộm gồm: 6.000.000 đồng tiền Việt Nam và 7.800 USD (đây là tiền của chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1984, ngụ 44 tổ 18, KP3, phường T, Quận M đưa cho anh T cất giữ). Quan sát hình ảnh Camera thu giữ được tại hiện trường thì anh T và chị A nghi vấn đối tượng trộm cắp tài sản có dáng người giống nhân viên đã nghỉ việc tên Trần Thanh T.

Qua công tác truy xét và xác định đối tượng nghi vấn, ngày 15/08/2020, Công an quận Gò Vấp tiến hành mời Trần Thanh T (lai lịch như trên) về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Trần Thanh T đã thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 23 giờ ngày 04/08/2020, do có ý định từ trước nên Trần Thanh T bắt xe ôm đến cơ sở M số 592 đường P, Phường B, quận G nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T quan sát không có ai tại cơ sở M nên đi vòng ra phía sau tòa nhà rồi leo lên cây khế gần tòa nhà, sau đó T leo lên tấm bạt gần ở phía sau rồi men theo lan can leo lên sân thượng tại lầu 3, khi đến sân thượng T kiểm tra thấy cửa sân thượng không khóa nên mở cửa đi xuống lầu 2 của tòa nhà; do từng làm bảo vệ tại cơ sở này nên T biết chìa khóa mở cửa vào phòng của T (quản lý của cơ sở M) để tại kệ giày dép trước cửa phòng. Sau khi lấy chìa khóa mở cửa vào phòng T thì T thấy có 01 két sắt để trong phòng, T đi đến thùng chứa đồ trên sân thượng lấy 01 cây búa và 01 cây đục bằng kim loại rồi vào phòng T dùng búa và đục mở két sắt, khi đục mở được một khe hở thì T dùng tay lấy từ két sắt 01 xấp tiền đô la Mỹ (USD) và một số tiền Việt Nam đồng. Sau đó T bỏ tiền lấy được vào túi áo khoác rồi tẩu thoát theo hướng đã đột nhập vào tòa nhà và đi về nhà tại Phường 28, quận Bình Thạnh rồi kiểm đếm số tiền lấy trộm được gồm 7.800USD cùng 6.000.000 đồng tiền Việt Nam với nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau. Đến sáng ngày 05/8/2020, T đến khu Thuận Kiều, Quận 5 gặp 03 thanh niên (không rõ lai lịch) mà T đã vay tiền; tại đây T đưa 7.800USD cho số thanh niên này đi đổi sang tiền VNĐ, sau khi đổi tiền xong thì số thanh niên cho T vay tiền tính tiền gốc và lãi rồi đưa cho T số tiền 47.000.000 đồng nói là tiền dư sau khi trả nợ. Sau đó T đến cửa hàng xe H số 202 đường P, Phường B, quận P mua 01 xe gắn máy biển số 59S3-068.00 với giá 35.000.000đ tiền Việt Nam rồi đi về nhà, số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ gồm: Một xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 59S3-068.00 số máy: JF63E2346505, số khung: RLHJF6325HZ288513 (đây là xe máy T dùng tiền trộm cắp để mua). Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp

đã trưng cầu giám định số khung, số máy của chiếc xe trên theo kết luận giám định số 5489/KLGD-X(Đ3) của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì số khung, số máy không đổi. Xác minh tại đội Cảnh sát giao thông - Công an quận Gò Vấp, chiếc xe gắn máy trên do anh Nguyễn Văn S, ngụ: 89/17/2 đường N, Phường M, quận B đứng tên làm chủ sở hữu. Anh S bán lại xe này cho anh Nguyễn Hữu H. Sau khi mua xe máy trên thì anh H để xe tại cửa hàng H. Đến 16 giờ ngày 05/8/2020, anh H đã bán chiếc xe trên cho Trần Thanh T với giá 35.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đã trưng cầu định giá chiếc xe gắn máy trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 65/KL - HĐĐGTS ngày 10/11 /2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận Gò Vấp chiếc xe có giá 30.000.000 đồng.

Một quần jean màu xanh, 01 áo khoác jean màu đen, 01 đôi giày thể thao màu đen sọc đỏ có chữ armata (đây là đồ mà T mặc đi trộm cắp). Một búa cán gỗ và 01 đục kim loại (công cụ của T đục kết sắt).

Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập phiếu nhập kho các vật chứng còn lại như nêu trên tại Phiếu nhập kho số 265/PNK ngày 11/12/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Phúc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A đều có yêu cầu T phải bồi thường số tiền T đã trộm cắp gồm 6.000.000 đồng của anh T và 7.800USD của chị A. Theo văn bản Thông báo về tỷ giá mua bán ngoại tệ của Ngân hàng đề ngày 05/8/2020 (thời điểm T thực hiện hành vi phạm tội) thì 1 USD có giá 23,270 ngàn đồng. Như vậy 7.800 USD tương đương 181.000.000 đồng. Tổng số tiền T phải bồi thường là 187.000.000 đồng. Riêng chiếc kết sắt mà T làm hư hỏng để lấy tiền, anh T xin nhận lại và không yêu cầu T bồi thường.

Ngày 05/10/2020, gia đình bị can Trần Thanh T có bà Trần Thị H (Sinh năm 1977, là chị ruột của T) cùng chị Nguyễn Thị Ngọc B (Sinh năm 1985, là vợ của T) đã thỏa thuận bồi thường số tiền mà T chiếm đoạt của anh Ngô Phúc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A là 130.000.000 đồng, trong đó bồi thường anh T 6.000.000 đồng và bồi thường chị A 124.000.000 đồng cùng 01 xe gắn máy Honda Air Blade biển số 59S3 -068.00 mà T dùng tiền trộm cắp để mua. Sau khi nhận tiền đền bù, anh T và chị A có làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can Trần Thanh T. Chị A có yêu cầu được nhận chiếc xe máy nêu trên như một phần tiền đền bù số tiền mà T chiếm đoạt của chị A.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS, ngày 25/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Trần Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Tịch thu và tiêu hủy 01 dùi đục bằng kim loại, một cây búa đầu kim loại cán gỗ. Tịch thu và

tiêu hủy 01 áo khoác, 01 quần jean, 01 đôi giày thể thao không còn giá trị sử dụng. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingston màu đen. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe gắn máy hiệu honda Airblade biển số 59S3-068.00, số khung RLHJF6325HZ288513, số máy JF63E2346505. Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Trần Thanh T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Đối chiếu lời khai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[3] Giữa ban ngày, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản rất táo bạo và liều lĩnh, tài sản bị mất trị giá 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng). Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Trần Thanh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân của mình mà không phải thông qua lao động chân chính bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện sửa chữa, bồi

thường thiệt hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay anh Ngô Phúc T vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện anh đã nhận lại tài sản bị mất, hiện không có thắc mắc hay khiếu nại gì nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại. Chị Nguyễn Thị Ngọc A đã nhận lại một phần tài sản bị mất, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu nhận chiếc xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 59S3-068.00 số máy: JF63E2346505, số khung: 6325HZ288513 mà bị cáo dùng tiền trộm cắp của chị để mua. Hội đồng xét xử thấy chiếc xe bị cáo có được là do trộm cắp mà có nên việc chị A yêu cầu nhận chiếc xe trên là không phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe máy nói trên.

Đối với số tiền 130.000.000 đồng chị Trần Thị H và chị Trần Thị Ngọc B bồi thường cho phía bị hại. Chị H và chị B cho luôn bị cáo không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là ý chí tự nguyện và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 dùi đục bằng kim loại, một cây búa đầu kim loại cán gỗ. Đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy.

Một áo khoác, 01 quần jean, 01 đôi giày thể thao là tài sản riêng của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingston màu đen.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp Tài sản”;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/8/2020.

Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu và tiêu hủy 01 dùi đục bằng kim loại, một cây búa đầu kim loại cán gỗ.

Trả lại cho bị cáo 01 áo khoác, 01 quần jean, 01 đôi giày thể thao.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingston màu đen.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe gắn máy hiệu honda Airblade biển số 59S3-06800, số khung RLHJF6325HZ288513, số máy JF63E2346505.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 265/PNK ngày 11/12/2020 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo, bị hại chị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bảo Thu

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tại phiên tòa bị cáo yêu cầu chuyển giao quyền sở hữu chiếc xe trên cho chị Ánh sử dụng để bù đắp số tiền mà bị cáo đã lấy của chị. Hội đồng xét thấy xe bị cáo mua có nguồn gốc rõ ràng và việc bị cáo đồng ý để chiếc xe cho chị Ánh sử dụng để đền bù thiệt hại bị cáo đã gây ra. Đây là sự thỏa thuận không trái pháp luật nên quyết định giao chiếc xe gắn máy trên cho chị Ánh quản lý và sử dụng.

Giao chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1984, thường trú Ấp Đông Thạnh, Thành An, Mỏ Cày Bắc, Bến Tre, số chứng minh nhân dân 321169220 do Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 03/6/2020 được quyền sở hữu chiếc xe gắn máy

hiệu Honda Airblade biển số 59S3-068.00 số máy: JF63E2346505, số khung:
6325HZ288513.